

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 31

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

### Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Trần Hoài Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Văn Minh Thành	Thành viên
Ông Trần Như Hoàng	Thành viên
Ông Lê Tấn Long	Thành viên

### Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Trúc Linh	Thành viên
Bà Đoàn Thị Tố Trinh	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Hoài Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Văn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là Ông Trần Hoài Thanh, Tổng Giám đốc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Hoài Thanh

Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Số: 43/2022/BCKT-E.AFA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/02/2022 từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định hiện hành. Theo đó, số dự phòng trích lập thiếu so với quy định là 1.651.428.134 VND. Trong đó, số dự phòng trích lập thiếu từ năm 2020 trở về trước là 1.651.428.134 VND.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Nếu hạch toán đầy đủ chi phí nêu trên theo đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán: khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng lên 1.651.428.134 VND, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" sẽ giảm đi 1.651.428.134 VND.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Quang Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1334-2021-240-1

**Nguyễn Hà Định**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2883-2021-240-1

**Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>26.570.463.503</b>	<b>23.605.357.806</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>9.050.553.619</b>	<b>4.766.838.434</b>
1. Tiền	111		4.000.782.031	3.764.208.297
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.049.771.588	1.002.630.137
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.037.304.110</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	2.037.304.110	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.961.490.700</b>	<b>15.954.163.394</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	11.000.086.602	13.916.246.664
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	380.711.708	80.711.708
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.313.956.737	1.690.469.369
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.6	266.735.653	266.735.653
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>2.442.942.209</b>	<b>2.806.148.529</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.442.942.209	2.806.148.529
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>78.172.865</b>	<b>78.207.449</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	78.172.865	78.207.449
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.407.947.738</b>	<b>1.898.318.678</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.055.489.714</b>	<b>1.558.317.504</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	1.055.489.714	1.558.317.504
Nguyên giá	222		8.447.075.708	9.873.861.973
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.391.585.994)	(8.315.544.469)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>4.11</b>	<b>247.064.742</b>	<b>320.737.285</b>
1. Nguyên giá	231		608.010.949	608.010.949
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(360.946.207)	(287.273.664)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>98.562.726</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	98.562.726	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.830.556</b>	<b>19.263.889</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	6.830.556	19.263.889
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>27.978.411.241</b>	<b>25.503.676.484</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.064.709.813</b>	<b>4.743.804.824</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.064.709.813</b>	<b>4.743.804.824</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	1.606.081.422	938.596.653
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	160.696.482	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.16	1.403.818.903	1.493.442.127
4. Phải trả người lao động	314		3.667.245.654	2.019.246.559
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.14	6.640.000	7.885.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	217.568.429	233.334.808
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.658.923	1.299.677
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.913.701.428</b>	<b>20.759.871.660</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.17</b>	<b>20.913.701.428</b>	<b>20.759.871.660</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.673.350.000	6.673.350.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.605.498.388)	(1.605.498.388)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		845.849.816	692.020.048
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	17.040.000
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		845.849.816	674.980.048
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>27.978.411.241</b>	<b>25.503.676.484</b>



Trần Hoài Thanh  
 Tổng Giám đốc  
 Quảng Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Người lập

Nguyễn Thị Hoài Nhân  
 Kế toán Trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN


(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	27.112.753.639	26.383.348.852
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.112.753.639	26.383.348.852
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	23.618.550.920	23.148.048.064
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.494.202.719	3.235.300.788
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	160.011.192	60.095.671
7. Chi phí tài chính	22	5.4	-	6.328.767
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	6.328.767
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	2.622.771.509	2.577.765.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.031.442.402	711.302.498
11. Thu nhập khác	31	5.6	14.023.498	93.163.578
12. Chi phí khác	32	5.7	45.400.015	15.656.614
13. Lợi nhuận khác	40		(31.376.517)	77.506.964
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.000.065.885	788.809.462
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	154.216.069	113.829.414
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		845.849.816	674.980.048
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	604	378
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	604	378

**Phê duyệt**  
  
**Trần Hoài Thanh**  
Tổng Giám đốc  
Quảng Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Người lập  
  
**Nguyễn Thị Hoài Nhân**  
Kế toán Trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

**Mẫu số B 03 - DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		29.867.718.990	28.366.404.107
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ khác	02		(9.420.269.136)	(10.051.719.068)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.878.966.931)	(15.681.181.041)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(6.328.767)
5. Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(113.829.414)	(393.197.344)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.983.037.665	3.212.699.963
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(595.623.004)	(1.424.789.577)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.842.068.170</b>	<b>4.021.888.273</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(67.222.726)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	92.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.037.304.110)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		115.677.491	60.095.671
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.988.849.345)</b>	<b>152.595.671</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(875.966.970)
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	-	(1.500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(569.503.640)	(1.073.300.595)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(569.503.640)</b>	<b>(3.449.267.565)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>4.283.715.185</b>	<b>725.216.379</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.766.838.434	4.041.622.055
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>		<b>9.050.553.619</b>	<b>4.766.838.434</b>



Phê duyệt

Trần Hoài Thanh  
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Người lập

Nguyễn Thị Hoài Nhân  
Kế toán Trưởng

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông thay đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000364082 ngày 25 tháng 01 năm 2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 04 năm 2016.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom với mã chứng khoán QCC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán QCC là ngày 06/06/2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 15.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 19 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 21).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình xây lắp bưu chính – viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình;
- Xuất bản phần mềm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng giá trên mạng internet;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính;
- Bưu chính;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Cổng thông tin;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ đo kiểm viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất;
- Sản xuất bê tông, các sản phẩm xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cột bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, điện lạnh và tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện, điện lạnh và các thiết bị tin học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn.

### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

### 3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                   |            |
|-----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc          | 6 – 20 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị               | 3 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 3 năm      |

**3.7. Cho thuê tài sản**

***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**3.8. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 6 năm

**3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.12. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu, doanh thu hoạt động tài chính hoặc ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.14. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.15 dưới đây.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.15. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

**3.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.18. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động xây lắp;
- Các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.21. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.22. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	66.694.667	60.227.834
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.934.087.364	3.703.980.463
Các khoản tương đương tiền	5.049.771.588	1.002.630.137
<b>Cộng</b>	<b>9.050.553.619</b>	<b>4.766.838.434</b>

**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.037.304.110	2.037.304.110	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.037.304.110</b>	<b>2.037.304.110</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Hợp đồng tiền gửi số 02/2021/HĐTG/BIDV-QTC ngày 10/05/2021, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 3,7%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Viễn thông Quảng Ngãi	5.821.806.295	6.668.458.759
Viễn thông Quảng Nam	1.816.613.208	3.649.357.843
Các khách hàng khác	3.361.667.099	3.598.430.062
<b>Cộng</b>	<b>11.000.086.602</b>	<b>13.916.246.664</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 8	8.330.236.950	11.429.019.822

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Kỳ Hưng	45.000.000	45.000.000
Công ty CP Tư vấn XD Hoàng An	18.642.858	18.642.858
Công ty CP Minh Ngọc Nguyên	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	17.068.850	17.068.850
<b>Cộng</b>	<b>380.711.708</b>	<b>80.711.708</b>

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	164.895.288	-	707.036.147	-
Phải thu BHYT, BHXH	20.550.440	-	20.413.413	-
Lãi dự thu	44.333.701	-	-	-
Các đối tượng khác	1.084.177.308	-	963.019.809	-
<b>Cộng</b>	<b>1.313.956.737</b>	<b>-</b>	<b>1.690.469.369</b>	<b>-</b>

**4.6. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Hàng tồn kho	266.735.653	266.735.653
<b>Cộng</b>	<b>266.735.653</b>	<b>266.735.653</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	574.835.832	-	544.080.140	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.727.764.339	-	1.955.528.771	-
Thành phẩm	140.342.038	-	306.539.618	-
<b>Cộng</b>	<b>2.442.942.209</b>	<b>-</b>	<b>2.806.148.529</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa và bảo hiểm xe	59.382.431	66.024.874
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.790.434	12.182.575
<b>Cộng</b>	<b>78.172.865</b>	<b>78.207.449</b>
Dài hạn:		
Chi phí thuê trạm BTS	6.000.000	18.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	830.556	1.263.889
<b>Cộng</b>	<b>6.830.556</b>	<b>19.263.889</b>

**4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Sửa chữa nhà làm việc	98.562.726	-
<b>Cộng</b>	<b>98.562.726</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HÀ TANG VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thành, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	2.276.654.040	3.429.636.384	3.860.547.349	307.024.200	9.873.861.973
Giảm khác	-	(1.426.786.265)	-	-	(1.426.786.265)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>2.276.654.040</b>	<b>2.002.850.119</b>	<b>3.860.547.349</b>	<b>307.024.200</b>	<b>8.447.075.708</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	1.940.415.382	3.381.166.999	2.686.937.888	307.024.200	8.315.544.469
Khấu hao trong năm	96.490.560	36.802.689	369.534.541	-	502.827.790
Giảm khác	-	(1.426.786.265)	-	-	(1.426.786.265)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>2.036.905.942</b>	<b>1.991.183.423</b>	<b>3.056.472.429</b>	<b>307.024.200</b>	<b>7.391.585.994</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	336.238.658	48.469.385	1.173.609.461	-	1.558.317.504
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>239.748.098</b>	<b>11.666.696</b>	<b>804.074.920</b>	<b>-</b>	<b>1.055.489.714</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm là 4.547.803.589 VND.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 239.694.967 VND.

Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại thời điểm cuối năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Cơ sở hạ tầng	608.010.949	-	-	608.010.949
<b>Cộng</b>	<b>608.010.949</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>608.010.949</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Cơ sở hạ tầng	360.946.207	73.672.543	-	287.273.664
<b>Cộng</b>	<b>360.946.207</b>	<b>73.672.543</b>	<b>-</b>	<b>287.273.664</b>
Giá trị còn lại:				
Cơ sở hạ tầng	247.064.742			320.737.285
<b>Cộng</b>	<b>247.064.742</b>			<b>320.737.285</b>

Không có bất động sản đầu tư đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại thời điểm cuối năm là 221.300.935 VND.

Bất động sản đầu tư bao gồm hai trạm BTS.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Phú Vĩnh	-	-	132.446.777	132.446.777
Công ty TNHH MTV Việt Hàn	232.878.129	232.878.129	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Thương mại Trường Tín	-	-	198.634.700	198.634.700
Công ty CP Tư vấn Xây dựng T.D.T	249.349.000	249.349.000	-	-
Công ty CP Sam Phú	221.443.200	221.443.200	-	-
Công ty CP Đức Chí Việt	273.251.000	273.251.000	-	-
Các đối tượng khác	629.160.093	629.160.093	607.515.176	607.515.176
<b>Cộng</b>	<b>1.606.081.422</b>	<b>1.606.081.422</b>	<b>938.596.653</b>	<b>938.596.653</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư 501	-	50.000.000
Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Trung - Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng mạng	160.696.482	-
<b>Cộng</b>	<b>160.696.482</b>	<b>50.000.000</b>

**4.14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Doanh thu nhận trước của hoạt động cho thuê tài sản	6.640.000	7.885.000
<b>Cộng</b>	<b>6.640.000</b>	<b>7.885.000</b>

**4.15. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	12.279.798	20.940.057
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	129.738.595	167.362.235
Phải trả khác	75.550.036	45.032.516
<b>Cộng</b>	<b>217.568.429</b>	<b>233.334.808</b>

**4.16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	1.250.602.834	2.698.220.572	2.828.230.451	1.380.612.713
Thuế thu nhập doanh nghiệp	153.216.069	154.216.069	113.829.414	112.829.414
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	50.233.698	50.233.698	-
Thuế khác, phí và lệ phí	-	3.556.922	3.556.922	-
<b>Cộng</b>	<b>1.403.818.903</b>	<b>2.906.227.261</b>	<b>2.995.850.485</b>	<b>1.493.442.127</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HÀ TANG VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thành, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.17. Vốn chủ sở hữu**  
**4.17.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2020	15.000.000.000	6.673.350.000	(729.531.418)	1.306.457.340	22.250.275.922
Lãi trong năm trước	-	-	-	674.980.048	674.980.048
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(875.966.970)	-	(356.000.580)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(165.339.505)	(165.339.505)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(60.317.835)	(60.317.835)
Trả cổ tức	-	-	-	(1.063.760.000)	(1.063.760.000)
Tại ngày 01/01/2021	15.000.000.000	6.673.350.000	(1.605.498.388)	692.020.048	20.759.871.660
Lãi trong năm trước	-	-	-	845.849.816	845.849.816
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(132.459.246)	(132.459.246)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(27.680.802)	(27.680.802)
Trả cổ tức (*)	-	-	-	(531.880.000)	(531.880.000)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>6.673.350.000</b>	<b>(1.605.498.388)</b>	<b>845.849.816</b>	<b>20.913.701.428</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 12/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tập đoàn BC - VT Việt Nam	4.900.000.000	4.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	1.703.000.000	1.703.000.000
Các cổ đông khác	8.397.000.000	8.397.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

**4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

**4.17.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	1.500.000	1.500.000
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.500.000</i>	<i>1.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	170.300	170.300
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>170.300</i>	<i>170.300</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.329.700	1.329.700
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.329.700</i>	<i>1.329.700</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	845.849.816	674.980.048
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	132.459.246
Thù lao HĐQT, BKS	42.292.491	27.680.802
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	803.557.325	514.840.000
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.329.700	1.360.540
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>604</b>	<b>378</b>

**4.17.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	845.849.816	674.980.048
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	132.459.246
Thù lao HĐQT, BKS	42.292.491	27.680.802
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	803.557.325	514.840.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.329.700	1.360.540
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.329.700	1.360.540
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>604</b>	<b>378</b>

Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được điều chỉnh lại đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021.

Năm 2021, Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng phúc lợi nên lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 là toàn bộ lợi nhuận sau thuế trừ thù lao HĐQT, BKS.

**4.17.7. Cổ tức**

Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 4%/Vốn điều lệ (Tương ứng số tiền 531.880.000 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán thành phẩm	13.200.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	387.852.276	408.637.276
Doanh thu hợp đồng xây dựng	25.264.615.309	23.237.076.713
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.447.086.054	2.737.634.863
<b>Cộng</b>	<b>27.112.753.639</b>	<b>26.383.348.852</b>

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8

24.261.852.049	20.476.147.813
----------------	----------------

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn thành phẩm	11.766.200	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	198.559.620	246.098.032
Giá vốn hoạt động xây dựng	22.441.180.409	21.259.350.032
Giá vốn kinh doanh bất động sản	967.044.691	1.642.600.000
<b>Cộng</b>	<b>23.618.550.920</b>	<b>23.148.048.064</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	160.011.192	60.095.671
<b>Cộng</b>	<b>160.011.192</b>	<b>60.095.671</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	-	6.328.767
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.328.767</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.684.969.974	1.679.240.344
Chi phí vật liệu, công cụ	151.891.210	135.560.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	225.249.648	225.249.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	348.211.066	290.143.407
Chi phí bằng tiền khác	212.449.611	247.571.044
<b>Cộng</b>	<b>2.622.771.509</b>	<b>2.577.765.194</b>

**5.6. Thu nhập khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	92.500.000
Xử lý công nợ	9.992.819	663.578
Thu nhập khác	4.030.679	-
<b>Cộng</b>	<b>14.023.498</b>	<b>93.163.578</b>

**5.7. Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý Công ty niêm yết	7.000.000	7.000.000
Các khoản bị phạt, chậm nộp	12.000.000	-
Chi phí khác	26.400.015	8.656.614
<b>Cộng</b>	<b>45.400.015</b>	<b>15.656.614</b>

**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	18.398.076.983	17.500.555.188
Chi phí vật liệu, công cụ	4.865.383.917	3.576.454.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	576.500.333	682.999.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.730.723.583	838.136.531
Chi phí bằng tiền khác	427.076.302	549.661.139
<b>Cộng</b>	<b>25.997.761.118</b>	<b>23.147.806.453</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.000.065.885	788.809.462
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	101.477.466	24.257.778
- Chi phí không hợp lệ	45.400.015	15.656.614
- Giảm trừ doanh thu quyết toán công trình	56.077.451	8.601.164
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	1.101.543.351	813.067.240
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	220.308.670	162.613.448
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	-	48.784.034
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP	66.092.601	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>154.216.069</b>	<b>113.829.414</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	154.216.069	113.829.414

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xây dựng;
- Bất động sản;
- Dịch vụ;
- Bán thành phẩm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HÀ TANG VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Xây dựng		Bất động sản		Dịch vụ		Bán thành phẩm		Tổng cộng	
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	25.264.615.309	23.237.076.713	1.447.086.054	2.737.634.863	387.852.276	408.637.276	13.200.000	-	27.112.753.639	26.383.348.852
Chi phí bộ phận	22.441.180.409	21.259.350.032	967.044.691	1.642.600.000	198.559.620	246.098.032	11.766.200	-	23.618.550.920	23.148.048.064
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	2.622.771.509	2.577.765.194
<b>Lãi (lỗ) hoạt động KD</b>	<b>2.823.434.900</b>	<b>1.977.726.681</b>	<b>480.041.363</b>	<b>1.095.034.863</b>	<b>189.292.656</b>	<b>162.539.244</b>	<b>1.433.800</b>	<b>-</b>	<b>871.431.210</b>	<b>657.535.594</b>
Doanh thu hoạt động tài chính									160.011.192	60.095.671
Chi phí tài chính									-	6.328.767
<b>Lãi (lỗ) hoạt động TC</b>									<b>160.011.192</b>	<b>53.766.904</b>
Thu nhập khác									14.023.498	93.163.578
Chi phí khác									45.400.015	15.656.614
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>									<b>(31.376.517)</b>	<b>77.506.964</b>
Lợi nhuận trước thuế TNDN									1.000.065.885	788.809.462
Thuế TNDN									154.216.069	113.829.414
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>									<b>845.849.816</b>	<b>674.980.048</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HÀ TANG VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thông tin khác	Xây dựng		Bất động sản		Dịch vụ		Bán thành phẩm		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	8.856.054.802	12.577.214.864	2.110.000.000	1.305.000.000	-	-	34.031.800	34.031.800	11.000.086.602	13.916.246.664
Tài sản cố định	1.055.489.714	1.558.317.504	-	-	-	-	-	-	1.055.489.714	1.558.317.504
Bất động sản đầu tư	-	-	247.064.742	320.737.285	-	-	-	-	247.064.742	320.737.285
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	15.675.770.183	9.708.375.031
<b>Tổng tài sản</b>	<b>9.911.544.516</b>	<b>14.135.532.368</b>	<b>2.357.064.742</b>	<b>1.625.737.285</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.031.800</b>	<b>34.031.800</b>	<b>27.978.411.241</b>	<b>25.503.676.484</b>
Nợ phải trả	6.964.709.813	4.643.804.824	100.000.000	100.000.000	-	-	-	-	7.064.709.813	4.743.804.824
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>6.964.709.813</b>	<b>4.643.804.824</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.064.709.813</b>	<b>4.743.804.824</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

1. Tập đoàn Bưu chính - Viễn Thông
2. VNPT Quảng Nam - Tập đoàn BC-VT
3. VNPT Quảng Ngãi - Tập đoàn BC-VT
4. VNPT Phú Yên - Tập đoàn BC-VT
5. VNPT Khánh Hòa - Tập đoàn BC-VT
6. Trung tâm Viễn thông 1 - VNPT Quảng Nam - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông
7. Trung tâm Viễn thông 2 - VNPT Quảng Ngãi - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông
8. Trung tâm Viễn thông 3 - VNPT Quảng Nam - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông
9. Trung tâm Viễn thông 4 - VNPT Quảng Nam - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông
10. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

- Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể  
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư  
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư  
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư  
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư  
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư  
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư  
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư  
 Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư  
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
VNPT Quảng Nam - Tập đoàn BC-VT	1.816.613.208	3.649.357.843
VNPT Quảng Ngãi - Tập đoàn BC-VT	5.821.806.295	6.668.458.759
VNPT Phú Yên - Tập đoàn BC-VT	154.424.891	154.424.891
VNPT Khánh Hòa - Tập đoàn BC-VT	537.392.556	540.015.829
Trung tâm Viễn thông 1 - VNPT Quảng Nam - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông	-	168.647.600
Trung tâm Viễn thông 3 - VNPT Quảng Nam - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông	-	248.114.900
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b>8.330.236.950</b>	<b>11.429.019.822</b>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
VNPT Quảng Nam - Tập đoàn BC-VT	14.565.128.174	11.501.371.323
VNPT Quảng Ngãi - Tập đoàn BC-VT	9.178.185.188	8.484.516.587
VNPT Khánh Hòa - Tập đoàn BC-VT	488.538.687	490.259.903
Trung tâm Viễn thông 1 - VNPT Quảng Nam - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông	30.000.000	-
Trung tâm Viễn thông 2 - VNPT Quảng Ngãi - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông	-	195.000.000
Trung tâm Viễn thông 3 - VNPT Quảng Nam - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông	-	235.231.727
Trung tâm Viễn thông 4 - VNPT Quảng Nam - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông	-	400.329.000
<b>Cộng - Xem thêm 5.1</b>	<b>24.261.852.049</b>	<b>20.476.147.813</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
<b>Cổ tức đã chia</b>		
Tập đoàn Bưu chính - Viễn Thông	196.000.000	392.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>196.000.000</u></u>	<u><u>392.000.000</u></u>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
<b>Thù lao và thu nhập</b>		
Ông Nguyễn Việt Hà	1.734.286	11.599.584
Bà Phạm Thị Phương Thảo	3.488.507	-
Ông Trần Hoài Thanh	163.893.220	193.249.815
Ông Lưu Văn Minh Thanh	142.428.522	166.994.925
Ông Trần Như Hoàng	3.655.955	8.119.708
Ông Lê Tấn Long	3.655.955	8.119.708
<b>Cộng</b>	<u><u>318.856.445</u></u>	<u><u>388.083.740</u></u>

**9. THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT**

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>		
Nguyễn Thị Bích Ngọc	2.089.117	4.445.849
Phạm Thị Phương Thảo	520.286	3.131.888
Đoàn Thị Tố Trinh	1.566.838	3.131.888
Phạm Thị Trúc Linh	1.046.552	-
<b>Cộng</b>	<u><u>5.222.793</u></u>	<u><u>10.709.625</u></u>

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

  
**Phê duyệt**

**Trần Hoài Thanh**  
Tổng Giám đốc  
Quảng Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2022

**Người lập**



**Nguyễn Thị Hoài Nhân**  
Kế toán Trưởng